

Số: 89/QĐ-MNAL

An Linh, ngày 11 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
V/v thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai
Năm học 2023 - 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON AN LINH

Căn cứ Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc bổ sung sửa đổi một số điều của Điều lệ Trường Mầm non, ban hành kèm theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã được bổ sung, sửa đổi tại Thông tư 44/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 và Thông tư số 05/2011-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ kế hoạch nhiệm vụ năm học 2023-2024, tình hình thực tế nhà trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai nhà trường theo Thông tư 36/2017-TT-BGDĐT gồm các bà có tên sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ phân công	Ghi chú
1	Võ Thị Hồng Cúc	Hiệu trưởng - BTCB	Trưởng ban	
2	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	Phó hiệu trưởng	Phó ban	
3	Trần Thị Kim Hồng	Giáo viên CTCĐCS	Ủy viên	
4	Trần Thị Thu	Giáo viên	Thư ký	
6	Hoàng Thị Mai	GV - TTNDTH	Ủy viên	
7	Đoàn Thanh Trúc	Kế toán	Ủy viên	
8	Phạm Thị Phượng	Thủ quỹ	Ủy viên	

Điều 2. Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai theo kế hoạch, thời gian và nhiệm vụ được phân công; thu thập đầy đủ, chính xác các số liệu để kê khai các biểu mẫu: 01, 02, 03,04, gồm nội dung: Công khai cam kết chất lượng giáo dục và

chất lượng giáo dục thực tế; Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục; Công khai thu, chi tài chính...

Nhiệm vụ của các thành viên do trưởng ban phân công.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, Các Bà có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Võ Thị Hồng Cúc

QUY CHẾ CÔNG KHAI
Trường Mầm non An Linh Năm học 2023 - 2024
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 89/QĐ-MNAL ngày 11 tháng 9 năm 2023
của Hiệu trưởng trường Mầm non An Linh)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc thực hiện công khai của Trường Mầm non An Linh
2. Quy chế này áp dụng đối với cán bộ giáo viên và nhân viên của nhà trường.
3. Trường hợp có các quy định riêng, quy định cụ thể của từng bộ phận thì áp dụng các quy định riêng, quy định cụ thể cho từng bộ phận.

Điều 2. Mục tiêu thực hiện công khai

1. Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục và công khai về chất lượng giáo dục thực tế, về các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính theo quy định của pháp luật.
2. Thực hiện công khai của nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện công khai

1. Việc thực hiện công khai của nhà trường phải được thực hiện đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định trong Quy chế này.
2. Thông tin được công khai tại nhà trường theo Quy chế này được thực hiện chính xác, kịp thời và dễ dàng tiếp cận.

Chương II
THỰC HIỆN CÔNG KHAI CỦA NHÀ TRƯỜNG

Điều 4: Nội dung công khai

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế
 - a) Cam kết chất lượng giáo dục: mức độ về sức khỏe, năng lực, hành vi mà trẻ em sẽ đạt được sau mỗi lớp học, chương trình giáo dục mà nhà trường tuân thủ, các điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục của nhà trường (Theo biểu mẫu 01).
 - b) Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục thực tế: công khai số trẻ em nhóm ghép, số trẻ em học hai buổi/ngày, số trẻ em khuyết tật học hòa nhập, số trẻ em được tổ chức ăn tại trường, kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em, số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục có sự phân chia theo các nhóm lứa tuổi (Theo biểu mẫu 02).
 - c) Đạt chuẩn quốc gia: Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được qua các mốc thời gian.
2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

a) Cơ sở vật chất: Diện tích đất, sân chơi, tính bình quân trên một trẻ em; số lượng, diện tích các loại phòng học và phòng chức năng, tính bình quân trên một trẻ em; số lượng các thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một nhóm hoặc lớp (Theo biểu mẫu 03).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên.

Số lượng, chức danh có phân biệt theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo (Theo biểu mẫu 04).

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

3. Công khai thu chi tài chính

a) Tình hình tài chính của nhà trường

Thực hiện quy chế công khai tài chính theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và theo Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện qui chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính.

b) Học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho 2 năm học tiếp theo.

c) Các khoản chi theo từng năm học: Các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

d) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với học sinh thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

đ) Kết quả kiểm toán (nếu có): thực hiện công khai kết quả kiểm toán theo quy định tại Nghị định số 91/2008/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về công khai kết quả kiểm toán và kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

Điều 5. Hình thức và thời điểm công khai

1. Đối với các nội dung quy định tại Điều 4 của Quy chế này

Đăng tải công khai về trang thông tin điện tử của trường vào tháng 5 hàng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học (tháng 9) và khi có thông tin mới hoặc thay đổi

Niêm yết công khai tại nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét. Thời điểm công bố là tháng 5 hàng năm và cập nhật đầu năm học (tháng 9) hoặc

khi có thay đổi nội dung liên quan.

Bất cứ lúc nào nhà trường hoạt động, cha mẹ học sinh và những người quan tâm đều có thể tiếp cận các thông tin trên. Để chuẩn bị cho năm học mới, nhà trường cung cấp thêm các thông tin liên quan khác để cha mẹ học sinh nắm rõ và phối hợp thực hiện.

2. Đối với nội dung quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 của Quy chế này, nhà trường thực hiện công khai như sau:

a) Đối với trẻ em mới tiếp nhận: phổ biến trong cuộc họp cha mẹ học sinh hoặc phát tài liệu cho cha mẹ học sinh trước khi nhà trường tiếp nhận nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

b) Đối với trẻ em đang được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục tại nhà trường: phát tài liệu cho cha mẹ học sinh trước khi tổ chức họp cha mẹ học sinh vào đầu năm học mới.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của Hiệu trưởng

1. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định tại Quy chế này. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

2. Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học trước và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học sắp tới cho cơ quan chỉ đạo trước 15 tháng 10 hàng năm.

3. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường

4. Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và bằng các hình thức sau đây:

a) Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.

b) Niêm yết công khai kết quả kiểm tra nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh xem xét.

c) Đưa lên trang thông tin điện tử của trường.

Chương IV TRÁCH NHIỆM THI HÀNH

Điều 15. Hiệu trưởng có trách nhiệm phổ biến Quy chế công khai này đến công chức, viên chức, giáo viên, nhân viên trong đơn vị để thực hiện.

Điều 16. Quy chế này có 4 chương 16 điều; Phó hiệu trưởng, chủ tịch công đoàn, bí thư chi đoàn, các tổ trưởng chuyên môn, tổ trưởng tổ Văn phòng có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế và báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình thực

hiện Quy chế công khai của trường cho Hiệu trưởng.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc thì đề nghị Hiệu trưởng xem xét sửa đổi. Quy chế sửa đổi có hiệu lực thi hành khi có quyết định thay thế./.

Số: 90/KH-MNAL

An Linh, ngày 11 tháng 9 năm 2023

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN 3 CÔNG KHAI
Năm học 2023 - 2024

Căn cứ Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc bổ sung sửa đổi một số điều của Điều lệ Trường Mầm non, ban hành kèm theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã được bổ sung, sửa đổi tại Thông tư 44/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 và Thông tư số 05/2011-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ kế hoạch nhiệm vụ năm học 2023-2024, tình hình thực tế nhà trường;

Trường Mầm non An Linh xây dựng kế hoạch thực hiện 3 công khai cụ thể:

NỘI DUNG 1

Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a/ Cam kết chất lượng giáo dục:

Thực hiện chương trình Giáo dục mầm non, đảm bảo tiến hành 10 chủ đề trong năm của 3 độ tuổi.

Khối Mầm – Nhà trẻ: Thực hiện 35 tuần, bắt đầu từ ngày 05/9/2023 đến 24/5/2024

Xây dựng mục tiêu cuối độ tuổi dựa vào 5 lĩnh vực giáo dục đảm bảo sự phát triển của trẻ.

Xây dựng mục tiêu cuối chủ đề, nội dung, hoạt động giảng dạy phù hợp với từng lĩnh vực.

Khối Lá - Chồi: Thực hiện 35 tuần, bắt đầu từ ngày 05/9/2023 đến 24/5/2024

Xây dựng mục tiêu cuối độ tuổi, mục tiêu chủ điểm, nội dung và hoạt động giảng dạy phải dựa vào 120 chỉ số, đồng thời đảm bảo sự phát triển của trẻ trên 5 lĩnh vực.

b/Chất lượng giáo dục thực tế:

Trình độ chuyên môn CBQL: Trên chuẩn 3 Đ/c; GV: Chuẩn 17 GV, trên chuẩn 13 GV, đạt chuẩn: 04 GV

Chương trình giáo dục Mầm non thực hiện theo qui định của Bộ GDĐT.

Thực hiện chương trình phổ cập trẻ 5 tuổi: 100% lớp học bán trú.

*** Tổng số:** 8 lớp/172 cháu

Phân công cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Ghi chú
1	Võ Thị Hồng Cúc	Hiệu trưởng	Tổ trưởng VP - QLCD	
2	Hoàng Thị Thơm	P.hiệu trưởng	Chủ tịch CĐCS, QL bán trú	
3	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	P.hiệu trưởng	QL chuyên môn	
4	Đoàn Thanh Trúc	Kế toán	Tổ viên	
5	Mai Thị Huyền	Tập vụ	Tổ viên	
6	Nguyễn Văn Phương	Bảo vệ	Tổ viên	
7	Nguyễn Văn Bình	Bảo vệ	Tổ viên	
8	Nguyễn Thị Hải	Cấp dưỡng	Tổ trưởng	
9	Nguyễn Thị Mềm	Cấp dưỡng	Tổ viên	
10	Trần Thị Bé Hiền	Cấp dưỡng	Tổ viên	
11	Nguyễn Thị Phương	Cấp dưỡng	Tổ viên	
12	Mai Thị Ngọc Hằng	Giáo viên	Tổ trưởng Lá Dạy lớp Lá 2	
13	Mai Thị Hằng	Giáo viên	Dạy lớp Lá 2	
14	Phạm Thị Phương	Giáo viên	Dạy lớp Lá 1 Thủ quỹ	
15	Hoàng Thị Mai		Dạy lớp Lá 1 - TTNDTH	
16	Nguyễn Thị Hằng	Giáo viên	Tổ trưởng Chồi Dạy lớp Chồi 1	
17	Hoàng Thị Nết	Giáo viên	Dạy lớp Chồi 1 Thư ký hội đồng	
18	Đoàn Thị Tuyết	Giáo viên	Dạy lớp Chồi 2	
19	Vũ Thị Mai	Giáo viên	Dạy lớp Chồi 2	
20	Đỗ Kim Tuyền	Giáo viên	Dạy lớp Mầm 1 – KT Mầm	
21	Nguyễn Thị Hồng Hậu	Giáo viên	Dạy lớp Mầm 1	
22	Nguyễn Thị Loan	Giáo viên	Dạy lớp Mầm 2 Phó CTCĐCS	
23	Trần Thị Kim Hồng	Giáo viên	Dạy lớp Mầm 2 Phó chủ tịch công đoàn	
24	Nguyễn Thị Vui	Giáo viên	Khối trưởng Nhà trẻ Dạy lớp Nhà trẻ 1A	
25	Nguyễn Thị Mai Tuyết	Giáo viên	Dạy lớp Nhà trẻ 1B	
26	Bùi Thị Trang	Giáo viên	Dạy lớp Nhà trẻ 1B	
27	Võ Thị Hà	Giáo viên	Dạy lớp Nhà trẻ 1A	

28	Trần Thị Thu	Giáo viên	Dạy lớp Nhà trẻ 1A	
----	--------------	-----------	--------------------	--

NỘI DUNG 2:
CÔNG KHAI ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC:

a/ Cơ sở vật chất:

S T T	Phòng học										Sân chơi	
	Kiên cố			Bán Kiên cố			TS phòng hiện có	Phòng học thiếu	Nhà vệ sinh			
	T S	Xây mới	Cũ	T S	Mới xây	Cũ			Hiện có	Còn thiếu	TS	Sân có đồ chơi
1	8	8	0	0	0	0	8	0	8	0	1	1

b/ Đội ngũ nhà giáo, CBQL và nhân viên:

Số lượng CB-GV-NV: 28 người, Nữ 26 người. Trong đó: CBQL: 3 người;
GV: 17 người; CNV: 8 người

S T T	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Năm vào ngành	TĐ VH	TĐ CM	Tin học	Ngoại Ngữ
1	Võ Thị Hồng Cúc	HT	1980	1998	12/12	ĐH	B	B1
2	Hoàng Thị Thơm	PHT	1973	1998	12/12	ĐH	B	B
3	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	PHT	1979	1996	12/12	ĐH	B	B
4	Đoàn Thanh Trúc	KT	1987	2011	12/12	ĐH	B	B
5	Mai Thị Huyền	PV	1977	2019	9/12			
6	Nguyễn Văn Phụng	BV	1969	2014	9/12			
7	Nguyễn Văn Bình	BV	1964	2012	9/12			
8	Nguyễn Thị Hải	CD	1989	2011	12/12			
9	Trần Thị Bé Hiền	CD	1989	2009	9/12			
10	Nguyễn Thị Mềm	CD	1989	2011	9/12			

11	Nguyễn Thị Phụng	CD	1987	2009	12/12	TC	A	
12	Mai Thị Ngọc Hằng	GV	1982	2001	12/12	CD	A	B
13	Trần Thị Thu	GV	1985	2009	12/12	CD	A	A
14	Nguyễn Thị Loan	GV	1988	2008	12/12	TC	A	A
15	Hoàng Thị Mai	GV	1987	2011	12/12	TC	A	A
16	Nguyễn Thị Hằng	KT	1984	2006	12/12	TC	B	B
17	Võ Thị Hà	GV	1980	2011	12/12	TC	A	A
18	Đoàn Thị Tuyết	GV	1985	2007	12/12	TC	B	B
19	Mai Thị Hằng	GV	1988	2011	12/12	TC	B	B1
20	Đỗ Kim Tuyến	GV	1986	2007	12/12	TC	B	B
21	Nguyễn Thị Hồng Hậu	GV	1987	2012	12/12	TC	B	B
22	Vũ Thị Mai	GV	1990	2011	12/12	TC	B	B
23	Trần Thị Kim Hồng	GV	1976	1995	12/12	TC	A	B
24	Nguyễn Thị Vui	GV	1985	2008	12/12	TC	B	B
25	Nguyễn Thị Mai Tuyết	GV	1980	2012	12/12	TC	A	B
26	Hoàng Thị Nết	GV	1979	2011	12/12	TC	A	A
27	Bùi Thị Trang	GV	1985	2011	12/12	TC	A	B
28	Phạm Thị Phụng	GV	1988	2009	12/12	TC	A	B1

NỘI DUNG 3: CÔNG KHAI THU CHI TÀI CHÍNH

Thực hiện miễn giảm học phí cho trẻ thuộc đối tượng hộ nghèo và cận nghèo theo Nghị định 49/2010/CP đã sửa đổi theo Nghị định 74/2013/CP. Hỗ trợ chi phí học tập cho hộ nghèo

- **Thu theo quy định:** Trường chưa tổ chức thu đảng chờ văn bản hướng dẫn
- **Thu hộ:**
 - Mua sách giáo khoa trẻ 5 tuổi: 67.500^d
 - Đồ dùng vệ sinh cá nhân: phụ huynh tự trang bị
 - Đồ dùng bán trú: Không thu
 - Mua sách giáo khoa trẻ 4 tuổi: 41.500^d
 - Đồ dùng vệ sinh cá nhân: phụ huynh tự trang bị
 - Đồ dùng bán trú: Không thu
 - Mua sách giáo khoa trẻ 3 tuổi: 37.500^d
 - Đồ dùng vệ sinh cá nhân: phụ huynh tự trang bị
 - Đồ dùng bán trú: Không thu
 - Mua sách giáo khoa trẻ Nhà trẻ: 17.500^d
 - Đồ dùng vệ sinh cá nhân: phụ huynh tự trang bị
 - Đồ dùng bán trú: Không thu

NỘI DUNG 4: PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ:

Hiệu trưởng chịu trách nhiệm thực hiện thành lập ban chỉ đạo, xây dựng và triển khai kế hoạch 3 công khai và Chỉ đạo điều hành tổ chức triển khai Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT đối với cơ sở giáo dục. Quản lý và công khai đội ngũ, cán bộ quản lý, tài chính, tài sản, thực hiện tái công nhận trường đạt chuẩn quốc gia của đơn vị.

Hiệu phó chuyên môn, chủ tịch công đoàn: chịu trách nhiệm thực hiện quản lý và công khai chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, của đơn vị. Cùng với hiệu trưởng thực hiện tái công nhận trường đạt chuẩn quốc gia của đơn vị.

Thực hiện công tác thi đua khen thưởng, động viên, giám sát, đôn đốc các hoạt động công khai của đơn vị. Phối hợp cùng với hiệu trưởng thực hiện tái công nhận trường đạt chuẩn quốc gia của đơn vị.

Hiệu phó phụ trách công tác bán trú: Chịu trách nhiệm thực hiện quản lý và công khai về cơ sở vật chất và cùng với Hiệu trưởng thực hiện tái công nhận trường đạt chuẩn quốc gia của đơn vị

Tổ trưởng Chuyên môn: Thực hiện thống kê kết quả giảng dạy và giáo dục của cá nhân, tổ, kết quả tự bồi dưỡng nâng cao trình độ, tự đánh giá phân loại giáo viên trong tổ hàng năm để thực hiện công khai theo quy định.

Bộ phận kế toán – thủ quỹ: Quyết toán thu - chi theo quy định, lưu giữ chứng từ tài chính khoa học để phục vụ cho công tác kiểm tra giám sát khi được yêu cầu.

Bộ phận thư ký: Tổng hợp thông tin báo cáo, các biểu mẫu kê khai, nhập dữ liệu trên máy vào các biểu mẫu báo cáo.

Nội dung công khai được công khai trong Hội đồng sư phạm nhà trường vào đầu tháng 9, đăng trên bản tin công khai của nhà trường, đăng tải trên Trang thông tin điện tử nhà trường từ cuối tháng 9/2023

Trên đây là Kế hoạch thực hiện nội dung 3 công khai của đơn vị trường Mầm non An Linh./.

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT Phú Giáo;
- Các thành viên trong ban công khai của trường;
- Lưu: HS tài chính trường.

HIỆU TRƯỞNG

Võ Thị Hồng Cúc

Biểu mẫu 01

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

(Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp): UBND Huyện Phú Giáo

(Tên cơ sở giáo dục): Trường MN An Linh

THÔNG BÁO

**Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non,
năm học 2023 - 2024**

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Mức độ về sức khỏe mà trẻ em sẽ đạt được	96,87%	65,16%
II	Mức độ về năng lực và hành vi mà trẻ em sẽ đạt được	100%	100%
III	Chương trình chăm sóc giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ	100%	100%
IV	Các điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục	100%	100%

An Linh, ngày 11 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

Võ Thị Hồng Cúc

Biểu mẫu 02

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND HUYỆN PHÚ GIÁO
TRƯỜNG MN AN LINH

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	172			22	39	57	54
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày							
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	172			22	39	57	54
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe							
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng							
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	172			22	39	57	54
1	Số trẻ cân nặng bình thường				17	33	45	34
2	Số trẻ có chiều cao bình thường							
3	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân					1	0	5
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể gầy còm				0	0	0	0
5	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi				3	0	2	1
6	Số trẻ suy dinh dưỡng 2 thể				0	2	1	0
7	Số trẻ thừa cân				1	2	5	5
8	Số trẻ béo phì				1	1	4	9
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục							

1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	22			22			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	150				39	57	54

An Linh, ngày 11 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

Võ Thị Hồng Cúc

Biểu mẫu 03

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

(Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp): UBND Huyện Phú Giáo

(Tên cơ sở giáo dục): Trường MN An Linh

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non
Năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	8	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học	8	890 m ²
1	Phòng học kiên cố	8	890 m ²
2	Phòng học bán kiên cố	0	m ²
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	4962	28.8 m ²
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	860	5m ²
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)		
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	60	
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	1597	9.28
5	Diện tích nhà bếp đúng quy cách (m ²)	110	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
VII	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang		
I	được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	8	1
IX	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	8	1
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	6	0,75
3	Máy photocopy	1	
5	Catsset	0	
6	Đầu Video/đầu đĩa	0	
7	Thiết bị khác		

8	Đồ chơi ngoài trời	5	
9	Bàn ghế đúng quy cách	172	21.5
10	Thiết bị khác...		

X	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Số lượng (m ²)		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	20 m				80 m
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ GDĐT về Điều lệ trường mầm non và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

		Có	Không
XI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XIV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XV	Tường rào xây	x	

An Linh, ngày 11 tháng 9 năm 2023
Thủ trưởng đơn vị

Võ Thị Hồng Cúc

Biểu mẫu 04

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND HUYỆN PHÚ GIÁO
TRƯỜNG MN AN LINH

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục Mầm non, năm học 2023 - 2024

S T T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	Th S	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	28	28		13	4	0	0	2	8	10	12	8	0	0
I	Giáo viên	17	17		13	4	0	0	2	8	7	9	7	0	0
1	Nhà trẻ	5			4	1	0	0	1	2	1	1	4	0	0
2	Mẫu giáo	12			9	3	0	0	1	3	9	8	3	0	0
II	Cán bộ quản lý	3													
1	Hiệu trưởng	1			1						1	1	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	2			2						2	2	1	0	0
III	Nhân viên	7													
1	Nhân viên văn thư	0													
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ	0													
4	Nhân viên y tế	0													
5	Nhân viên khác	7						7							

An Linh, ngày 11 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

Võ Thị Hồng Cúc

